TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST Ngày 28 - 4 -2020 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Đình Ca.

Ông Nguyễn Đình Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin không tham gia phiên tòa: Theo công văn số 263/CV-VKS-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Hà Ch1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Bà Th với ông Lê Hà Ch1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/8/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau được một thời gian, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ch1 không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên rượu chè,

say xỉn rồi chửi bới đánh đập vợ con, bà Th đã cố chịu đựng để vợ chồng êm ấm nuôi dạy con cái. Nhưng thời gian đây do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông Ch1 thường hay chửi bới thậm tệ và đánh đập bà Th rất nhiều lần. Bà Th đã nhiều lần nhờ ban tự quản thôn can thiệp nhưng ông Ch1 vẫn không chịu thay đổi mà vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực và chửi bới bà Th nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay bà Th thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Ch1 được nữa, hạnh phúc gia đình không có và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hà Ch1.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Th với ông Ch1 có hai người con chung là cháu Lê Hà Ch2, sinh ngày 22/01/2001 và cháu Lê Hà Ánh L, sinh ngày 20/10/2004 hiện nay đang ở với bà Th. Sau khi ly hôn bà Th có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi, còn cháu Ch2 đã trưởng thành muốn ở với bố hoặc mẹ là tùy cháu nên bà Th không yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con bà Th không yêu cầu ông Ch1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Lê Hà Ch1 sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần đến nhà tống đạt các văn bản tố tụng để thông báo cho ông Ch1 tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng ông Ch1 đều từ chối nhận tất cả các văn bản của Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của ông Ch1 và cũng không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Ý kiến của cháu Lê Hà Ánh L, sinh ngày 20/10/2004 muốn ở với bà Th sau khi bố mẹ ly hôn với nhau.

Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà Th và ông Ch1 sinh sống, xác định tình trạng hôn nhân và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ch1 và bà Th là có thật theo như lời khai của bà Th. Nay bà Th làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Ch1 thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thu Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với ông Lê Hà Ch1, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Ông Lê Hà Ch1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông Ch1 xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A (nay là huyện K), tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/8/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Ch1 là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa bà bà Th và ông Ch1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Ch1 không chịu lo làm ăn mà hay rượu chè, say xỉn rồi đánh đập, chửi bới bà Th rất nhiều lần. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, bà Th đã nhiều lần nhờ chính quyền can thiệp nhưng ông Ch1 vẫn không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn, do không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên bà Th đã làm đơn ly hôn với ông Ch1. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông Ch1 để tham gia tố tụng nhưng ông Ch1 từ chối nhận văn bản tố tụng và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết nên đã từ bỏ quyền chứng minh và không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân với bà Th. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th với ông Ch1 đã có việc vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình và vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc ly hôn với ông Lê Hà Ch1.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà Th với ông Ch1 có hai người con chung là cháu Lê Hà Ch2, sinh ngày 22/01/2001 và cháu Lê Hà Ánh L, sinh ngày 20/10/2004 hiện nay đang ở với bà Th. Đối với cháu Ch2 đã trên 18 tuổi và bà Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu L thì bà Th có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi và ý kiến của cháu L là muốn ở với mẹ sau khi bà Th và ông Ch1 ly hôn với nhau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định*: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao Lê Hà Ánh L cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con do bà Th không yêu cầu ông Ch1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với ông Lê Hà Ch1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hà Ánh L, sinh ngày 20/10/2004 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn của ông Lê Hà Ch1. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nêu không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0006977 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông Lê Hà Ch1 không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định